

Bản án số: 17/2022/HS-ST

Ngày: 29-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Xuân Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Hùng

Ông Trịnh Hữu Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Oanh – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai - tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại điểm cầu trung tâm đặt tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai - tỉnh Lâm Đồng và tại điểm cầu thành phần đặt tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ - tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2022/TLST- HS ngày 15 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Võ Thị Ngọc T (tên gọi khác: Không có) – Sinh năm 1990; Tại: tỉnh Đồng Nai;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống hiện nay: Tổ dân phố A, T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không rõ họ tên cha và con bà Võ Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1970; Bị cáo có chồng là ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1994; Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo hiện đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/7/2022 đến nay (có mặt).

2. Danh T1 (tên gọi khác: Không có) – sinh năm 1988; Tại: tỉnh Kiên Giang;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống hiện nay: Tổ dân phố A, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Khơ Me; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh H1 (đã chết) và bà Thị D, sinh năm: 1963 (đã chết); Bị cáo có vợ là bà Ka M, sinh năm: 1995; Bị cáo có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo hiện đang được tại ngoại tại địa phương theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/8/2022 cho đến nay (có mặt).

- *Bị hại*: Bà Trương Ngọc G, sinh năm 1957

Trú tại: Tổ dân phố A, T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Võ Thanh P, sinh năm 1983

Trú tại: Tổ dân phố A, T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (con đẻ của bị hại) (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1994

Trú tại: Tổ dân phố A, T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 20 phút ngày 10/01/2022 tại Km 93, Quốc lộ B thuộc T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, xảy ra vụ tai nạn giao thông giữa xe mô tô biển số 49L1-162.68 do bị cáo Võ Thị Ngọc T điều khiển chở theo bà Trương Ngọc G lưu thông theo hướng từ huyện T, tỉnh Đồng Nai đi thành phố B, Lâm Đồng với xe mô tô biển số 68G1-417.36 do bị cáo Danh T1 điều khiển chạy phía trước cùng chiều. Hậu quả, bà Trương Ngọc G bị thương phải đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện C tại thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 11/01/2022 bà Trương Ngọc G bị chết, bị cáo Võ Thị Ngọc T bị thương nhẹ và 02 xe mô tô bị hư hỏng.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn xác định: Hiện trường xảy ra tai nạn giao thông giữa xe mô tô biển số 68G1-417.36 và xe mô tô biển số 49L1-162.68 thuộc đoạn đường tại K, quốc lộ B, thuộc T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đây là đoạn đường cong nằm trong khu vực đông dân cư, mặt đường được trải nhựa bằng phẳng có chiều rộng là 11,8m, được chia làm hai chiều xe chạy riêng biệt, phân cách với nhau bởi vạch sơn màu trắng có nét đứt quãng, ở giữa tim đường và vạch sơn trắng có nét liền có chiều rộng là 2,5m.

Xác định mép bên phải theo hướng T đi B làm mép đường chuẩn. Lấy trụ Km 93 bên vỉa hè phía bên phải theo hướng chuẩn làm điểm mốc cố định hiện trường.

- Vị trí nạn nhân phương tiện, dấu vết:

+ Vị trí số 1: xe mô tô 68G1-417.36 để lại tại hiện trường, xe không bị nghiêng ngã ở phần đường lưu thông của các phương tiện theo hướng Tân phú đi B, phần đầu xe theo hướng T đi B, phần đuôi xe ở chiều ngược lại. Trục bánh xe phía sau đo vào mép đường chuẩn là 2,70m. Trục bánh xe trước đo vào mép đường chuẩn là 2,95m, trục bánh xe sau cách trụ Km 93 là 18,42m.

+ Vị trí số 2: xe mô tô 49L1-162.68 sau tai nạn giao thông, xe bị nghiêng về phía bên phải, đầu xe nằm ở hướng T đi B và đuôi xe nằm ở chiều ngược lại. Từ trục bánh xe sau đến mép đường chuẩn là 2,40m; trục bánh trước đến mép đường chuẩn là 2,50m, trục bánh sau cách trục bánh trước xe mô tô 68G1-417.36 là 4,07m, trục bánh xe trước cách trụ Km 93 là 12,6m.

+ Vị trí số 3: vị trí vết cày, vết cày có nét đứt quãng nằm dọc theo chiều hướng các phương tiện lưu thông dài là 4,03m. Đầu vết cày đến mép đường chuẩn là 1,40m; đuôi vết cày đến mép đường chuẩn là 1,90m.

- Tiến hành khám nghiệm dấu vết để lại trên xe mô tô biển số 68G1-417.36 và xe mô tô biển số 49L1-162.68:

+ Xe mô tô biển số 68G1-417.36: xe mô tô biển số 68G1-417.36 hiệu Yamaha, số máy là 5C6K348796, số khung là C6K0GY348792, mũ của xe bị bể, kích thước 8cm x 6 cm, cách mặt đất là 75cm.

+ Xe mô tô 49L1- 162.68: Xe mô tô 49L1- 162.68 nhãn hiệu Honda, màu đen cam, số máy là JK03E-0601259; Cánh búng của xe bị bung vỡ nát bên trái; Tay thắng sau bên trái bị chà xước lộ kim loại, cách mặt đất là 97cm; Gù bên trái bị chà xước lộ kim loại, cách mặt đất là 100cm; Ốp chóa đèn bên trước có vết chà, nhựa bung bật khỏi vị trí ban đầu kích thước là 0,9cm, cách mặt đất là 109cm; Gương chiếu hậu bên trái bị chà xước cách mặt đất là 114cm; Cọng gương chiếu hậu bên phải có vết chà xước cách mặt đất là 111cm; Ốp gầm dưới bên phải bị bể, có kích thước là 9cm, cách mặt đất là 23cm; Góc chân sau bên phải bị trầy xước cách mặt đất là 34cm; Chân chống giữa có vết chà xước bên phải cách mặt đất là 14cm; Ốp lườn sau bên phải có vết chà xước dài 9cm, cách mặt đất là 69cm; Miếng ốp pô xe bằng nhựa bị trầy xước từ trước ra sau kích thước là 35cm, cách mặt đất là 34cm.

- Theo Kết luận giám định số 272/KL-KTHS ngày 13/4/2022 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận:

+ Vết gãy khuyết nhựa tại ốp trước bên trái của xe mô tô biển số 49L1-162.68 (ảnh 05, 07 trong bản ảnh giám định) phù hợp do vết nứt nhựa, trượt xước sơn, bám dính chất màu xám tại mặt ngoài đoạn 1/3 sau ốp thân xe bên phải và vết trượt bám dính chất màu xám tại mặt ngoài đoạn sau ốp ống xả của xe mô tô biển số 68G1-417.36 (ảnh 06, 08, 09 trong bản ảnh giám định).

+ Không đủ cơ sở kết luận tốc độ của xe mô tô biển số 68G1-417.36 và xe mô tô biển số 49L1-162.68 ngay trước khi xảy ra tai nạn giao thông.

+ Vào thời điểm xảy ra tai nạn giao thông, xe mô tô biển số 68G1-417.36 và xe mô tô biển số 49L1-162.68 lưu thông trên quốc lộ 20 theo chiều từ huyện T, tỉnh Đồng Nai về hướng thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

+ Vùng và chạm đầu tiên trên mặt đường giữa xe mô tô biển số 68G1-417.36 với xe mô tô biển số 49L1-162.68 vào thời điểm xảy ra tai nạn giao thông thuộc phần đường dành cho phương tiện lưu thông trên quốc lộ 20 theo chiều từ huyện T, tỉnh Đồng Nai về hướng thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Theo Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 63/KLPY-PC09 ngày 19/3/2022 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Nguyên nhân chết của nạn nhân Trương Ngọc G chấn thương đầu gây tụ máu dưới màng cứng thái dương phải, dập não xuất huyết thái dương phải do tai nạn giao thông.

Nguyên nhân của vụ tai nạn giao thông được xác định là do bị cáo Danh T1 điều khiển xe mô tô biển số 68G1-417.36 khi đang lưu thông đã dừng xe trên đường không có tín hiệu cho người điều khiển phương tiện khác biết và dừng xe không đúng nơi quy định để dẫn đến tai nạn với xe mô tô biển số 49L1-162.68; còn bị cáo Võ Thị Ngọc T trong quá trình điều khiển xe mô tô biển số 49L1-162.68 chở theo bà Trương Ngọc G lưu thông phía sau cùng chiều đã không chú ý quan sát, không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền phía trước gây tai nạn giao thông với xe mô tô biển số 68G1-417.36. Hậu quả làm bà Trương Ngọc G chết. Hành vi của bị cáo Danh T1 đã vi phạm vào điểm a khoản 3 Điều 18 của Luật giao thông đường bộ dẫn đến vụ tai nạn giao thông; hành vi của bị cáo Võ Thị Ngọc T đã vi phạm vào khoản 1 Điều 12 của Luật giao thông đường bộ dẫn đến vụ tai nạn giao thông; Quá trình điều khiển xe mô tô gây tai nạn thì bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T đều không có giấy phép lái xe theo quy định (giấy phép lái xe hạng A1). Hành vi này của bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T đã vi phạm vào điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS-ĐH ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai - tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, bị cáo Danh T1 tự nguyện đã bồi thường khắc phục hậu quả số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng), bị cáo Võ Thị Ngọc T tự nguyện đã bồi thường khắc phục hậu quả số tiền là 11.000.000đ (mười một triệu đồng), gia đình bị hại đã có đơn xin bãi nại và cũng có đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự có nội dung xin miễn giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T, khi gây tai nạn giao thông thì bị cáo Võ Thị Ngọc T đang có thai và bị cáo Võ Thị Ngọc T đã sinh 01 con tên là Nguyễn Võ Gia H2 ngày tháng năm sinh 25/5/2022.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai – tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Danh T1 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc T 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T.

Trong vụ án này có Nguyễn Văn H3 là chủ sở hữu xe mô tô biển số 49L1-162.68 mà bị cáo Võ Thị Ngọc T điều khiển gây tai nạn. Vào ngày 10/01/2022 là do bị cáo Võ Thị Ngọc T tự ý lấy xe ở nhà để điều khiển chứ không phải do Nguyễn Văn H giao xe nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn H.

- Về vật chứng vụ án:

+ 01 xe mô tô biển số 49L1-162.68; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 49L1-162.68;

+ 01 xe mô tô biển số 68G1-417.36; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 68G1-417.36.

Quá trình điều tra, xác định: 01 xe mô tô biển số 49L1-162.68, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 49L1-162.68 là tài sản của ông Nguyễn Văn H; 01 xe mô tô biển số 68G1-417.36, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 68G1-417.36 là tài sản của bị cáo Danh T1 nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại các tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp nên đề nghị không xem xét.

- Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Bị cáo Danh T1 đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng), bị cáo Võ Thị Ngọc T đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 11.000.000đ (mười một triệu đồng). Ông Võ Thanh P là người đại diện gia đình bị hại đã có đơn xin bãi nại, có đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự và không yêu cầu bồi thường thêm nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Buộc bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T đồng ý với bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H không có ý kiến tranh luận gì khác.

Đại diện viện kiểm sát không tranh luận gì thêm.

Bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T nói lời sau cùng: “Bị cáo biết lỗi

và rất hối hận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo, cho bị cáo được ở với gia đình, để nuôi con nhỏ”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội:

Lời khai nhận của bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T tại phiên tòa hôm nay phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản dựng lại hiện trường, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định, bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ, hồ sơ bệnh án, giấy chứng nhận thương tích, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa do đó có căn cứ xác định:

Ngày 10/01/2022, bị cáo Danh T1 không có giấy phép lái xe theo quy định (giấy phép lái xe hạng A1) điều khiển xe mô tô biển số 68G1-417.36, là loại xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh từ 50cm³ đến dưới 175cm³ lưu thông theo hướng từ huyện T, tỉnh Đồng Nai đi thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Đến khoảng 07 giờ 20 phút ngày 10/01/2022, khi đi đến K, Quốc lộ B thuộc T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, bị cáo Danh T1 đã dừng xe trên đường không có tín hiệu cho người điều khiển phương tiện khác biết và dừng xe không đúng quy định. Lúc này, bị cáo Võ Thị Ngọc T không có giấy phép lái xe theo quy định (giấy phép lái xe hạng A1) điều khiển xe mô tô biển số 49L1-162.68, nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, là loại xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh từ 50cm³ đến dưới 175cm³ chở theo bà Trương Ngọc G lưu thông cùng chiều phía sau xe mô tô biển số 68G1-417.36 do bị cáo Võ Thị Ngọc T không chú ý quan sát, không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền trước nên xe mô tô biển số 49L1-162.68 đã xảy ra va chạm với xe mô tô biển số 68G1-417.36. Hậu quả, bà Trương Ngọc G bị thương phải đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện C tại thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 11/01/2022 bà Trương Ngọc G bị chết.

Theo Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 63/KLPY-PC09 ngày 19/3/2022 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: Nguyên nhân chết của nạn

nhân Trương Ngọc G chấn thương đầu gây tụ máu dưới màng cứng thái dương phải, dập não xuất huyết thái dương phải do tai nạn giao thông.

Vụ tai nạn do lỗi trực tiếp của bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T, bị cáo Danh T1 điều khiển xe mô tô biển số 68G1-417.36 khi đang lưu thông đã dừng xe trên đường không có tín hiệu cho người điều khiển phương tiện khác biết và dừng xe không đúng nơi quy định để dẫn đến tai nạn với xe mô tô biển số 49L1-162.68, bị cáo Võ Thị Ngọc T trong quá trình điều khiển xe mô tô biển số 49L1-162.68 chờ theo bà Trương Ngọc G lưu thông phía sau cùng chiều đã không chú ý quan sát, không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền phía trước đã gây tai nạn giao thông với xe mô tô biển số 68G1-417.36. Hậu quả làm bà Trương Ngọc G bị chết. Khi bị cáo Danh T1 điều khiển xe mô tô biển số 68G1-417.36 và khi bị cáo Võ Thị Ngọc T điều khiển xe mô tô biển số 49L1-162.68 cùng gây tai nạn giao thông thì bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T đều không có giấy phép lái xe theo quy định (giấy phép lái xe hạng A1). Các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, hành vi của bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T đều có hoàn cảnh gia đình còn nhỏ nên các bị cáo cần phải lao động tạo thu nhập cho bản thân và gia đình, các bị cáo chỉ làm chết một người nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự giao thông và an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh từ 50cm^3 đến dưới 175cm^3 không có giấy phép lái xe theo quy định, coi thường pháp luật, bị cáo Danh T1 đã dừng xe trên đường không có tín hiệu cho người điều khiển phương tiện khác biết, dừng xe không đúng nơi quy định để dẫn đến tai nạn với xe phía sau, bị cáo Võ Thị Ngọc T lưu thông phía sau cùng chiều đã không chú ý quan sát, không giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền phía trước nên đã gây ra tai nạn với xe phía trước, cả hai bị cáo điều khiển xe mô tô gây thiệt hại đến tính mạng của người khác. Do đó tại phiên tòa hôm nay cần phải có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã bồi thường thiệt hại xong cho đại diện bị hại nên cần áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Võ Thị Ngọc T, khi phạm tội là phụ nữ có thai và bị cáo Võ Thị Ngọc T đã sinh 01 con tên là Nguyễn Võ Gia H2 ngày tháng năm sinh 25/5/2022 nên cần áp dụng cho bị cáo Võ Thị Ngọc T tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n

khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử đại diện bị hại đã có đơn xin bãi nại và cũng có đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự có nội dung xin miễn giảm trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, các bị cáo có hoàn cảnh gia đình con còn nhỏ nên cần áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo có khả năng tự cải tạo mà không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi cuộc sống cộng đồng mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự quản lý, giám sát của chính quyền địa phương vì vậy đã đủ điều kiện áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự nên chỉ cần xử phạt tù cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tính răn đe và phòng ngừa chung, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Danh T1 đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng), bị cáo Võ Thị Ngọc T đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền là 11.000.000đ (mười một triệu đồng). Ông Võ Thanh P là người đại diện gia đình bị hại đã có đơn xin bãi nại, có đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự và không yêu cầu bồi thường thêm do đó Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về vật chứng của vụ án: Đã được giải quyết tại giai đoạn điều tra là đúng quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí:

Buộc các bị cáo Danh T1, Võ Thị Ngọc T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm của vụ án là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Danh T1 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2022).

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Võ Thị Ngọc T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2022).

Giao bị cáo Danh T1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Võ Thị Ngọc T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục

trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì việc Thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Danh T1 và bị cáo Võ Thị Ngọc T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm. Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án, quyết định liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND, Công an huyện Đạ Huoai;
- Chi cục THADS huyện Đạ Huoai;
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Đinh Xuân Trường